

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Như Hải và ông Phùng Văn Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Đoàn Tuấn Anh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST- HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị Thúy N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu V, xã M, huyện T, tỉnh P. (có mặt)

Bị đơn: anh Phạm Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu V, xã M, huyện T, tỉnh P. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thúy N trình bày:

- Chị N và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 05/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã M), huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh H bị nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, sửa đổi. Kể từ tháng 12 năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Đức H - sinh ngày 16/10/2015 và cháu cháu Phạm Đức H, sinh ngày 08/6/2018. Nếu ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, đề nghị để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phạm Văn H trình bày:

Anh và chị N kết hôn với nhau ngày 05/01/2015. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến thời gian gần đây thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do anh có chơi bời. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021, chị N về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì vẫn còn tình cảm với chị N.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như chị N đã trình bày. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con và không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị N vẫn có nguyện vọng được nuôi cháu H, vì vậy nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh nhất trí để chị N nuôi cháu H, anh xin được nuôi cháu H.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị N được ly hôn anh H.

+ Về con chung: giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức H, sinh ngày 08/6/2018; anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức H, sinh ngày 16/10/2015. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Bùi Thị Thúy N và anh Phạm Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị N và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Bùi Thị Thúy N và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân V (nay là xã M), huyện T, tỉnh P ngày 05/01/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N và anh H có những bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin ở nhau. Anh H và chị N đều thừa nhận mâu thuẫn do anh H chơi bời không quan tâm đến gia đình. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã M cho biết quá trình anh chị N và anh H xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên bản thân anh H cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kể từ tháng 12/2021, chị N đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị N và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị N được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Đức H - sinh ngày 16/10/2015 và cháu Phạm Đức H, sinh ngày 08/6/2018. Chị N có nguyện vọng nuôi cháu H, anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị N nuôi cháu H. Xét chị N và anh H đều là lao động tự do, đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, cháu H nhỏ hơn, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy xét giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh H trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp. Do mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: các bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Bùi Thị Thúy N được ly hôn anh Phạm Văn H

[2]. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức H, sinh ngày 08/6/2018; anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức H kể từ ngày 30/3/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị N, anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Thúy N có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003288 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Bùi Thị Thúy N và anh Phạm Văn H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Mạn Lạn
- Lưu HS; VP.

Hà Thanh Loan